ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN DUYÊN HẢI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2201/QĐ-UBND	*Duyên Hải, ngày 23 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Long Khánh, huyện Duyên Hải

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN DUYÊN HẢI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn;

Căn cứ Công văn số 484/SXD -QH&KT ngày 08/5/2018 của Giám đốc Sở xây dựng tỉnh Trà Vinh về việc hướng dẫn lập quy hoạch chung xây dựng xã theo thông tư số 02/2017/TT-BXD của Bộ xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 3606/QĐ-UBND ngày 26/12/2012 của UBND Huyện Duyên Hải về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng khu trung tâm xã Long Khánh, Huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Quyết định số 1190/QĐ-UBND ngày 13/6/2019 của Ủy ban nhân dân Huyện Duyên Hải về việc phê duyệt Nhiệm vụ đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Long Khánh, Huyện Duyên Hải.

Căn cứ Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của HĐND xã Long Khánh về việc thông qua đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Long Khánh, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh;

Xét Tờ trình số 79/TTr-UBND ngày 07/10/2019 của Ủy ban nhân dân xã Long Khánh về việc xin phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Long Khánh, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh (đính kèm Báo cáo thẩm định số 164/BCTĐ-PKT&HT ngày 16/9/2019 của phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện và Công văn số 1212/SXD-QHKT&PTDT ngày 30/9/2019 của Sở Xây dựng tỉnh Trà Vinh về việc góp ý Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Long Khánh, huyện Duyên Hải),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Long Khánh, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh với các nội dung chính như sau:

1. Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch:

Khu vực lập quy hoạch gồm toàn bộ ranh giới hành chính xã Long Khánh-huyện Duyên Hải, diện tích **4.816,68ha** với vị trí địa lý như sau:

- Phía Tây : giáp xã Long Vĩnh huyện Duyên Hải;
- Phía Bắc : giáp xã Ngũ Lạc huyện Duyên Hải;
- Phía Đông : giáp xã Đông Hải và thị trấn Long Thành huyện Duyên Hải;
- Phía Nam : giáp xã Đông Hải huyện Duyên Hải;

2. Mục tiêu, tính chất, chức năng của đồ án:

2.1. Mục tiêu:

- Cụ thể hóa định hướng phát triển kinh tế xã hội xã Long Khánh.

- Làm cơ sở pháp lý cho việc lập đề án, lập quy hoạch chi tiết, lập dự án đầu tư xây dựng.

- Định hướng tổ chức hệ thống khu trung tâm xã, khu dân cư mới và khu dân cư hiện hữu chỉnh trang;

- Định hướng sản xuất, hình thức tổ chức sản xuất, hệ thống công trình công cộng, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng phục vụ sản xuất cho toàn xã.

2.2. Tính chất, chức năng, kinh tế chủ đạo:

- Là khu quy hoạch mới kết hợp với chỉnh trang khu dân cư hiện hữu và định hình các điểm dân mới.

- Đối với Khu trung tâm: chức năng chính của khu quy hoạch là trung tâm hành chính, kinh tế, văn hóa của xã với hệ thống hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật đồng bộ. Ngoài ra, trong khu quy hoạch còn có các khu dân cư, khu công viên cây xanh, TDTT, khu công trình dịch vụ công cộng khác,...

- Đối với các điểm dân cư nông thôn: chức năng chính là khu dân cư với hệ thống hạ tầng đồng bộ.

- Kinh tế chủ yếu phát triển sản xuất nông nghiệp với các mô hình sản xuất, nuôi trồng thủy hải sản, trồng trọt, mô hình chăn nuôi ; Phát triển các loại hình tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ phục vụ cho nông nghiệp và nhu cầu đời sống xã hội.

3. Quy mô và cơ cấu dân số, lao động của xã:

- Hiện trạng dân số 7.947 người.

- Dân số dự kiến đến năm 2025 khoảng 8.500 người.

- Dân số dự kiến đến năm 2030 khoảng 9.000 người.

4. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật:

Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của đồ án đảm bảo các quy định trong các QCXDVN hiện hành, cụ thể:

4.1. Các chỉ tiêu quy hoạch – kiến trúc:

+ Đất ở nông thôn : ≥ 100 m^2/người;

* *Đất xây dựng nhà ở* : ≥ *25 m^2/người.*

* *Đất vườn ao* : *75 m^2/người.*

+ Đất công trình công cộng : ≥ 5 m^2/người;

+ Đất cây xanh - TDTT : ≥ 2 m^2/người;

+ Đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật : ≥ 5 m^2/người;

4.2. Các chỉ tiêu quy hoạch hạ tầng kỹ thuật:

+ Cấp nước : 80 lít/người.ngày đêm;

+ Cấp điện : 1000-1.600kWh/hộ.năm.;

+ Thoát nước : 100% lưu lượng nước cấp;

+ Thông tin liên lạc : 1-2 Thuê bao/hộ.

+ Rác thải : 0,8kg/người.ngày đêm.

5. Cơ cấu phân khu chức năng, tổ chức không gian tổng thể xã:

5. 1. Cơ cấu phân khu chức năng:

- Bố trí hợp lý không gian trung tâm, không gian các khu dân cư và không gian sản xuất.

+ Không gian trung tâm, vị trí các công trình công cộng như trung tâm hành chính, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường mầm non, trạm y tế, nhà văn hóa, thư viện, khu thương mại dịch vụ…

+ Khu dân cư hiện hữu và khu dân cư phát triển xây dựng mới. Các khu dân cư này được sắp xếp nằm liền kề nhau và sử dụng giải pháp phát triển theo dạng tuyến, ven trục bộ, kênh rạch.

+ Không gian sản xuất, định hướng phân chia các chức năng của loại đất để có kế hoạch canh tác, sử dụng đất hợp lý

- Cơ cấu các điểm dân cư nông thôn như sau:

STT	Điểm dân cư	Vị trí	Quy mô (ha)	Đất ở (ha)	Dân số (người)
1	Điểm dân cư số 1	Ấp Cái Đôi và ấp Tân Thành	162,39	36	3.000

2	Điểm dân cư số 2	Ấp Tân Khánh, Vĩnh Khánh và Long Khánh	126,94	36	3.000
3	Điểm dân cư số 3	Ấp Tân Thành	52,88	12	1.000
4	Điểm dân cư số 4	Ấp Đình Cũ	49,07	12	1.000
5	Dân cư trong CĐ		15,41	12	1.000
TỔNG			**406,69**	**108**	**9.000**

- Tổ chức không gian chức năng các khu dân cư như sau:

+ ***Điểm dân cư 1 (Trung tâm xã):*** Quy mô khoảng 162,39 ha, dân số dự kiến 3.000 người. Vị trí thuộc ấp Cái Đôi và Tân Thành. Khu dân cư dọc theo Quốc Lộ 53.

+ ***Điểm dân cư 2***: Quy mô khoảng 126,94ha, dân số dự kiến 3.000 người. Vị trí thuộc ấp Tân Khánh, Vĩnh Khánh và Long Khánh.

+ ***Điểm dân cư 3:*** Quy mô khoảng 52,88 ha, dân số dự kiến 1.000 người. Vị trí thuộc ấp Tân Thành.

+ ***Điểm dân cư 4*:** Quy mô khoảng 49,070 ha, dân số dự kiến 1.000 người. Vị trí thuộc ấp Đình Củ.

- Ngoài ra dân cư sống rải rác trong các khu nông nghiệp khoảng 1.000 dân.

5.2. Định hướng tổ chức không gian toàn xã:

a. Tổ chức không gian tổng thể:

- Tổng thể không gian xã Long Khánh được tổ chức có hệ thống, giúp đáp ứng được nhu cầu tối ưu hóa các diện tích sử dụng thông qua việc bố trí hợp lý không gian trung tâm, không gian các khu dân cư và không gian sản xuất.

- Đối với không gian trung tâm phải đáp ứng tốt nhất nhu cầu quản lý và ổn định khu vực, là nơi tập trung các công trình công cộng, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật phục vụ hoạt động sản xuất của người dân.

- Đối với không gian các khu dân cư cần tạo được sự hài hòa giữa khu dân cư hiện hữu và khu dân cư phát triển xây dựng mới.

- Đối với không gian sản xuất, việc quy hoạch sẽ phân chia các chức năng của loại đất để có kế hoạch canh tác, trồng trọt hợp lý, cho năng suất cao nhất.

b. Tổ chức không gian trung tâm:

- Khu trung tâm hành chính hiện hữu đa số được đầu tư xây dựng hoàn chỉnh: công an xã, trụ sở tiếp dân,… gồm bưu điện xã, thư viện xã, nhà văn hóa, hội trường xã, nhà truyền thống.

- Trung tâm hành chính của xã được bố trí ngay tại vị trí trụ sở hành chánh xã hiện hữu kết hợp là bổ sung các chức năng còn thiếu nhằm hoàn thiện khả năng phục vụ cho toàn xã.

- Trung tâm của các điểm dân cư, tại đó sẽ bố trí các chức năng như: trường học, nhà trẻ, ban nhân dân ấp, sân tập luyện thể thao,... Các chức năng được bố trí tập trung để tạo cảnh quan, xây dựng hạ tầng kỹ thuật đồng bộ nhằm đảm bảo khả năng tiếp cận và bán kính phục vụ nhu cầu thiết yếu.

c. Tổ chức không gian các khu dân cư:

- Khu dân cư hiện hữu phân bố theo các tuyến đường Quốc lộ 53, Quốc lộ 53B đường liên ấp, dọc kênh rạch.

- Các khu dân cư xây dựng mới được bố trí xen cài với khu dân cư hiện hữu. Hình thức không gian nhà ở dạng nhà vườn, diện tích mỗi hộ khoảng 400 m^2 – 800 m^2 được bố trí các chức năng phù hợp (kết hợp đất ở và sản xuất nông nghiệp).

d. Tổ chức không gian sản xuất:

- Không gian sản xuất của xã được bố trí trên tổng thể khu quy hoạch theo đó phần đất nông nghiệp được tổ chức chủ yếu theo dạng tập trung với đa phần là đất thủy sản (chiếm gần 70%), phần còn lại chủ yếu đất trồng cây hằng năm và cây lâu năm.

- Khuyến khích phát triển sản xuất nuôi trồng thủy hải sản với các mô hình sản xuất, khu chăn nuôi tập trung, nuôi trồng, phù hợp với địa hình, thổ nhưỡng. Phát triển các loại hình tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ phục vụ cho nông nghiệp và nhu cầu đời sống xã hội

5.3. Vị trí quy mô các công trình công cộng dịch vụ xã:

5.3.1 Công trình giáo dục:

Bảng tổng hợp quỹ đất xây dựng công trình giáo dục (xã)

TT	Trường học	Diện tích (m^2)	Vị trí (ấp)	Ghi chú
1	Trường THCS Long Khánh	5.000	Tân Thành	Mở rộng chỉnh trang
2	Trường Tiểu học	6.167		
	Tiểu học Long Khánh (điểm chính)	4.591	Cái Đôi	Cải tạo chỉnh trang
	Tiểu học Long Khánh (điểm phụ)	1.576	Vĩnh Khánh	Cải tạo chỉnh trang
3	Trường Mẫu giáo Long Khánh	5.400		
	Mẫu giáo Long Khánh (điểm chính)	4.118	Cái Đôi	Cải tạo chỉnh trang
	Mẫu giáo Long Khánh (điểm phụ)	1.282	Vĩnh Khánh	Xây mới
	Cộng	**16.567**		

Mở rộng chỉnh trang tại chỗ trường trung học cơ sở Long Khánh hiện hữu với tổng quy mô 0,5ha để phục vụ cho toàn xã trong giai đoạn đến năm 2030.

Cải tạo chỉnh trang 02 trường tiểu học hiện hữu với tổng quy mô 0,62 ha.

Cải tạo chỉnh trang 01 trường mẫu giáo; xây dựng mới 01 trường mẫu giáo với tổng quy mô 0,54 ha.

5.3.2 Công trình y tế:

Cải tạo chỉnh trang trạm y tế hiện hữu nằm ở vị trí ấp Tân Thành, với diện tích khoảng 0,15ha; (ngoài ra còn 1 phần diện tích đất y tế bố trí trong các điểm dân cư nông thôn).

5.3.3 Công trình trụ sở hành chính - văn hóa:

- Cải tạo chỉnh trang khu trung tâm hành chính xã hiện hữu (trụ sở làm việc HĐND, UBND, và các cơ quan đoàn thể cùng nhau hoạt động …) tại vị ấp Cái Đôi với tổng quy mô diện tích 0,6ha và trụ sở công an xã có diện tích là 0,05ha tại vị trí ấp Cái Đôi.

- Sân thể thao xã hiện hữu dùng chung với Xã Đông Hải - huyện Duyên Hải với diện tích là 0,01ha;

- Dự kiến trên địa bàn xã, mỗi ấp sẽ có nhà văn hóa ấp (bao gồm trụ sở ấp, hội trường…) quy mô diện tích tối thiểu cho 1 công trình ≥ 500m^2.

5.3.4 Các công trình công cộng khác:

- Mở rộng chỉnh trang Chợ hiện hữu nằm ở vị trí ấp Cái Đôi, ngay cạnh tuyến giao thông, với tổng quy mô 0,30 ha trên khu đất cao, dễ thoát nước. Cải tạo nâng cấp & mở rộng, có bãi xe, có nơi thu, chứa chất thải rắn trong ngày.

- Bưu điện xã hiện chưa có và dự kiến xây dựng kiên cố có diện tích **0,02ha** ở vị trí thuộc ấp Cái Đôi.

6. Quy hoạch sử dụng đất:

Với tổng diện tích tự nhiên có 4.816,68ha cơ cấu sử dụng đất đến năm 2030 trên địa bàn xã Long Khánh như sau:

+ Đất nông nghiệp: 3.377,85 ha chiếm 70,13 % tổng diện tích tự nhiên
+ Đất phi nông nghiệp: 1.438,83 ha chiếm 29,87 % tổng diện tích tự nhiên
  - *Đất xây dựng : 1.360,40 ha chiếm 28,24 % tổng diện tích tự nhiên*
  - *Đất khác : 78,43 ha chiếm 1,63 % tổng diện tích tự nhiên*
+ Đất chưa sử dụng: 0,00 ha chiếm 0,00% tổng diện tích tự nhiên

QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT THỐNG KÊ THEO BẢNG SAU:

STT	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT	DIỆN TÍCH (ha)	DIỆN TÍCH (ha)	Tỷ Lệ (%)
		NĂM 2020	NĂM 2030	
1	**Đất nông nghiệp**	**4.147,55**	**3.377,85**	**70,13**

1.1	Đất trồng cây hằng năm	12,12	10,03	
1.1.1	Đất trồng lúa			
1.1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	12,12	10,03	
1.2	Đất Trồng cây lâu năm	104,75	77,17	
1.3	Đất rừng phòng hộ	756,76	756,76	
1.4	Đất nuôi trồng thuỷ sản	3.273,92	2.533,89	
2	**Đất xây dựng**	**669,13**	**1.360,40**	**28,24**
2.1	Đất ở nông thôn	50,36	108	2,24
2.2	Đất công cộng	254,04	254,2	5,28
	- Đất xây dựng trụ sở cơ quan	16,33	16,33	
	- Đất xây dựng cơ sở y tế	*0,15*	*0,15*	
	- Đất xây dựng cơ sở giáo dục	1,50	1,66	
	- Đất bưu điện	0,02	0,02	
	- Đất chợ	0,30	0,3	
	- Đất có mục đích công cộng khác	235,74	235,74	
2.3	Đất cây xanh, thể dục, thể thao	0	0,15	0,00
	- Sân thể dục thể thao xã		0,15	
2.4	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	1,20	1,20	0,02
	- Đất tôn giáo	*0,80*	*0,80*	
	- Đất tín ngưỡng	*0,40*	*0,40*	
2.5	Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp	0,25	753,05	15,63
	- Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	*0,25*	0,25	
	- Đất cụm công nghiệp	0,0	752,8	
2.6	Đất khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng			
2.7	Đất xây dựng các chức năng khác	*1,50*	*1,50*	0,03
	- Đất xây dựng công trình sự nghiệp	*1,50*	*1,50*	
2.8	Đất hạ tầng kỹ thuật	168,44	242,3	5,03
	- Đất giao thông	163,14	237,0	
	- Đất nghĩa trang, nghĩa địa	5,30	5,3	
2.9	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất	*0,00*	*0,00*	
2.10	Đất quốc phòng, an ninh	0	0	
3	**Đất khác**	**193,34**	**78,43**	1,63
3.1	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	*78,43*	*78,43*	
3.2	Đất chưa sử dụng	*114,91*	*0,00*	
TỔNG		**4816,68**	**4.816,68**	**100**

7. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

7.1. Giao thông:

a. *Giao thông đối ngoại:*

- Nâng cấp và cải tạo đường Quốc lộ 53 với lộ giới 32m là trục đường xương sống của xã Long Khánh và là tuyến đường giao thông đối ngoại chính kết nối xã với các khu công nghiệp, dân cư khác trong khu kinh tế Định An, và toàn tỉnh Trà Vinh.

- Nâng cấp Quốc lộ 53B với lộ giới 25m nhằm nâng cao khả năng kết nối xã Long Khánh và thị trấn Long Thành.

- Tuyến đường phía Nam và phía Bắc kênh đào Trà Vinh với lộ giới 45m, được xây dựng nhằm gánh bớt lượng người và xe lưu thông trên Quốc lộ 53.

- Tuyến đường số 5 kết nối xã với các khu vực phía Bắc lộ giới, theo định hướng quy hoạch khu kinh tế Định An.

b. Giao thông đối nội:

Nâng cấp, cải tạo và xây dựng mới các tuyến đường nội bộ nằm trong ranh giới quy hoạch, kết nối các khu chức năng trong khu vực với các tuyến đường đối ngoại một cách thuận tiện nhất, tuân thủ định hướng quy hoạch khu kinh tế Định An, có lộ giới dự kiến rộng 20,0 – 28,0m.

STT	TÊN ĐƯỜNG	LỘ GIỚI	MẶT CẮT NGANG							
			KÝ HIỆU	LỀ ĐƯỜNG		LÒNG ĐƯỜNG			ĐẤT DỰ TRỮ	
				trái	phải	trái	phân cách	phải	trái	phải
		m		m	m	m	m	m	m	m
A	***- Giao thông đối ngoại***									
1	Quốc lộ 53	32,0	1-1	3,5	3,5	11,0	3,0	11,0	0	0
2	Quốc lộ 53B	25,0	4-4	3,0	3,0	4,5	0,0	4,5	5	5
3	Đường phía Bắc kênh đào Trà Vinh	45,0	3A-3A	3,50	3,50	11,25	3,0	11,25	9,50	3,00
4	Đường phía Nam kênh đào Trà Vinh (Đường N9 - Dự án luồng tàu)	45,0	3-3	3,0	3,0	7,5	3,0	7,5	10,5	10,5
5	Tuyến số 5	28,0	2A-2A	5,0	5,0	9,0	0,0	9,0	0	0
B	***- Giao thông đối nội***									
1	Đường A1	20,0	5-5	1,5	1,5	3,5	0,0	3,5	5,0	5,0
2	Đường A2	20,0	5A-5A	4,0	4,0	6,0	0,0	6,0	0,0	0,0
3	Đường A3	28,0	2A-2A	5,0	5,0	9,0	0,0	9,0	0,0	0,0
4	Tuyến N5	28,0	2-2	3,0	3,0	6,0	0,0	6,0	5,0	5,0
5	Đường A4	20,0	5A-5A	4,0	4,0	6,0	0,0	6,0	0,0	0,0
6	Đường A5	25,0	4-4	3,0	3,0	4,5	0,0	4,5	5,0	5,0
7	Đường A6	20,0	5-5	1,5	1,5	3,5	0,0	3,5	5,0	5,0
8	Đường A7	28,0	2-2	3,0	3,0	6,0	0,0	6,0	5,0	5,0
9	Đường A8	20,0	5-5	1,5	1,5	3,5	0,0	3,5	5,0	5,0
10	Tuyến N7	25,0	4-4	3,0	3,0	4,5	0,0	4,5	5	5
11	Đường N11	25,0	4-4	3,0	3,0	4,5	0,0	4,5	5	5
12	Đường D13A	25,0	4-4	3,0	3,0	4,5	0,0	4,5	5	5
13	Đường D8	25,0	4-4	3,0	3,0	4,5	0,0	4,5	5	5
14	Đường D5	25,0	4-4	3,0	3,0	4,5	0,0	4,5	5	5

STT	TÊN ĐƯỜNG	LỘ GIỚI	MẶT CẮT NGANG							
			KÝ HIỆU	LỀ ĐƯỜNG		LÒNG ĐƯỜNG			ĐẤT DỰ TRỮ	
				trái	phải	trái	phân cách	phải	trái	phải
		m		m	m	m	m	m	m	m
15	Đường D4	25,0	4-4	3,0	3,0	4,5	0,0	4,5	5	5
16	Đường D3A	25,0	4-4	3,0	3,0	4,5	0,0	4,5	5	5
17	Đường N2	25,0	4-4	3,0	3,0	4,5	0,0	4,5	5	5
18	Đường N13	25,0	4-4	3,0	3,0	4,5	0,0	4,5	5	5,0
19	Đường B1	28,0	2-2	3,0	3,0	6,0	0,0	6,0	5,0	5,0
20	Đường B2	20,0	5-5	1,5	1,5	3,5	0,0	3,5	5,0	5,0
21	Tuyến D2	20,0	5-5	1,5	1,5	3,5	0,0	3,5	5,0	5,0
22	Đường B3	20,0	5A-5A	4,0	4,0	6,0	0,0	6,0	0,0	0,0
23	Đường B4	20,0	5-5	1,5	1,5	3,5	0,0	3,5	5,0	5,0
24	Tuyến N4	20,0	5-5	1,5	1,5	3,5	0,0	3,5	5,0	5,0
25	Tuyến N6	20,0	5-5	1,5	1,5	3,5	0,0	3,5	5,0	5,0
26	Tuyến D3	20,0	5-5	1,5	1,5	3,5	0,0	3,5	5,0	5,0

c. Đường thủy:

- Luồng tuyến kênh đào Trà Vinh: Là tuyến đường thuỷ vận tải tổng hợp liên vùng Đông - Tây (Tây Nam bộ), hàng hải quốc gia và các tuyến hàng hải quốc tế qua khu vực Đông Nam Á. Tuyến này có cửa thông với biển tại xã Dân Thành - huyện Duyên Hải, cửa thông với sông Hậu tại xã Định An - huyện Trà Cú.

- Bố trí bến thủy nội địa Long Thành trên sông Xếp Lầy (sông Rạch Rồng), công suất 5.000 Tấn/ năm, theo định hướng khu kinh tế Định An.

7.2. Về cao độ nền - thoát nước mặt:

a. Công tác thủy lợi:

- Công tác thủy lợi đi đôi với việc thoát nước mặt cho các khu dân cư. Đối với những khu vực là đất sản xuất nông nghiệp và thủy hải sản thì thoát nước mặt là công tác nạo vét các bờ kênh, mương để tạo điều kiện cho thủy triều lên xuống đều đặn.

- Các bờ kênh, mương tự nhiên sẽ giữ lại làm công tác thủy lợi, thoát nước và cấp nước cho đồng ruộng hay ao hồ nuôi trồng thủy sản. Lượng nước được lưu chuyển sẽ là điều kiện tốt để phát triển nông và ngư nghiệp của địa phương.

- Bên cạnh đó, việc tăng cường và nghiên cứu đào thêm kênh thoát nước sẽ góp phần làm cho hệ thống thủy lợi và thoát nước mặt trở nên thuận lợi hơn.

b. Về cao độ nền:

Chọn cao độ khống chế xã Long Khánh : Hxd ≥2,20m, đảm bảo thích nghi với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

+ Đối với khu xây dựng hiện hữu: cao độ nền phù hợp với cao độ nền hiện trạng các công trình xung quanh theo từng vị trí, chủ yếu đắp cục bộ từng mặt bằng công trình, tạo độ dốc thoát nước mặt để không gây ngập úng cục bộ.

+ Các khu vực xây dựng mới: tôn nền đến cao độ xây dựng ≥ +2,2m; Imin ≥0,004 dốc về phía có cống thu gom nước mưa.

+ Đối với các khu vực đất sản xuất nông nghiệp đất dự trữ công nghiệp sẽ san lấp tùy theo nhu cầu sản xuất và giai đoạn đầu tư phát triển.

c. Về thoát nước mưa:

- Hướng thoát: về phía các kênh rạch hiện hữu giữ lại cho thoát nước theo hướng ngắn nhất: sông Xếp Lầy, kênh đào Trà Vinh,…

+ Đối với khu trung tâm, sử dụng hệ thống thoát nước mưa riêng với nước thải.

+ Đối với các điểm dân cư tập trung sử dụng mạng lưới thoát nước chung cho nước mưa và nước thải.

- Nước mưa được thu gom bằng hệ thống cống D600-D1800.

- Hệ thống cống thoát nước được bố trí dọc các trục đường chính. Một số tuyến kênh đề nghị được mở rộng và đào thêm để thuận lợi cho công tác tiêu nước.

7.3. Về hệ thống cấp nước:

** Chỉ tiêu cấp nước:*

- Điểm trung tâm: 100 (l/người.ngđ).

- Các điểm dân cư khác: 80 (l/người.ngđ).

- Tiêu chuẩn cấp nước công trình công cộng, thương mại dịch vụ lấy trung bình 15% tổng lưu lượng nước cấp sinh hoạt.

- Thất thoát rò rỉ lấy bằng 15% tổng lưu lượng nước cấp.

- Hệ số dùng nước ngày lớn nhất lấy bằng 1,2.

- Tổng nhu cầu cấp nước: khoảng 1.238 (m^3/ngày đêm)

** Định hướng hệ thống cấp nước:*

- Nguồn nước:

+ Điểm dân cư trung tâm: sử dụng nguồn nước cấp từ Trạm bơm giếng khoan, công suất khoảng 1.200 m^3/ngđ theo định hướng quy hoạch khu trung tâm xã. Dài hạn đấu nối với mạng lưới cấp nước theo định hướng quy hoạch KKT Định An qua ống cấp nước D400 dọc QL53.

+ Các điểm dân cư còn lại: Sử dụng nguồn nước cấp từ trạm cấp nước thị trấn Long Thành (công suất 6.000 m^3/ngđ). Dài hạn đấu nối và sử dụng nguồn nước từ đường ống cấp nước D400 dọc QL53 theo định hướng quy hoạch KKT Định An.

+ Khu công nghiệp: trước mắt sử dụng hệ thống cấp nước chung, dài hạn xây dựng trạm cấp nước riêng phục vụ nhu cầu dùng nước.

- Mạng lưới cấp nước: xây dựng mạng lưới đường ống bằng nhựa uPVC D100-200 theo các tuyến giao thông chính.

7.4. Phát triển hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

** Chỉ tiêu thoát nước:*

- Chỉ tiêu thoát nước thải sinh hoạt: 100% lượng nước cấp sinh hoạt.
- Chỉ tiêu rác thải sinh hoạt: 0,8-1,0kg/người.ngày.đêm.
- Tổng nhu cầu thoát nước thải: khoảng 1.076 (m^3/ngày đêm)
- Tổng khối lượng rác thải là: 9,0 (tấn).

** Định hướng hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường:*

- Điểm dân cư trung tâm: Sử dụng mạng lưới thoát nước thải riêng với nước mưa, nước thải được thu gom về trạm xử lý nước thải thông qua các tuyến cống chính (công suất : 700m^3/ngđ), nước thải sau khi xử lý phải đạt giá trị C, cột A, QCVN 14 :2008/BTNMT trước khi xả ra môi trường. Nước mưa được thu gom bởi hệ thống cống 2 bên đường thoát ra kênh, rạch gần nhất.

- Các điểm dân cư còn lại: sử dụng mạng lưới thoát nước chung. Xây dựng bể xử lý nước thải thu gom nước thải đáy giếng tách dòng cuối tuyến cống chung.

- Khu công nghiệp: khu đất dự trữ giai đoạn trước mắt sử dụng hệ thống cống thoát nước chung, dài hạn sẽ xây dựng trạm xử lý nước thải riêng.

- Chất thải rắn được thu gom về điểm tập kết chất thải rắn tại khu đất hạ tầng cạnh trạm xử lý nước thải phía Đông Bắc khu dân cư trung tâm, công suất 5,0 tấn/ngđ. Các điểm dân cư còn lại rác thải được thu gom về điểm tập kết chất thải rắn cạnh trạm xử lý nước thải số 8 (theo định hướng quy hoạch KKT Định An) phía Bắc khu quy hoạch.

- Chất thải rắn sau khi được phân loại tại điểm trung chuyển sẽ được đưa về khu liên hợp xử lý chất thải tại xã Long Hữu, thị xã Duyên Hải.

- Nghĩa trang: toàn xã sử dụng nghĩa trang ở ấp Tân Thành, diện tích khoảng 1,02ha (theo định hướng quy hoạch xây dựng nghĩa trang địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2030).

7.5. Về cấp điện:

** Chỉ tiêu cấp điện:*

- Khu dân cư trung tâm: 1600 kWh/hộ/năm.
- Khu dân cư: 1000 kWh/hộ/năm
- Công trình công cộng: 20 % sinh hoạt.
- Điện sản xuất: 20 % sinh hoạt.
- Chiếu sáng giao thông: 10kW/ha.
- Tổng nhu cầu cấp điện: **3.882,3kW** (4.567,4 kVA).

** Định hướng cấp điện:*

Nguồn điện: nguồn điện giai đoạn ngắn hạn được cấp từ trạm biến áp 110/22kV 2x40MVA Duyên Trà. Lâu dài, được bổ dung nguồn điện từ trạm biến áp 110/22kV 2x40MVA Dân Thành.

Xây dựng mới trạm biến áp 220/110kV 2x125MVA Duyên Hải 2 theo quy hoạch chung khu kinh tế Định An và quy hoạch phát triển điện lực giai đoạn 2016-2025 có xét đến 2035.

Trạm biến áp phân phối 22/04kV: Cải tạo nâng cấp các trạm hiện hữu và xây dựng mới các trạm biến áp phân phối mới với hình thức trạm ưu tiên chọn trạm phòng trạm đơn thân trạm giàn hoặc bố trí bên trong các cao ốc...đảm bảo an toàn và mỹ quan đô thị.

Lưới điện cao thế: Xây dựng mới lưới điện cao thế 220kV đấu nối vào tuyến 220kV hiện hữu cung cấp nguồn điện cho trạm 220/110kV 2x125MVA Duyên Hải 2 và các tuyến 110kV cung cấp nguồn điện cho các trạm 110/22kV nhà máy điện gió, trạm 110/22kV Định An.

Lưới điện trung thế 22kV: cải tạo nâng cấp ngầm hóa các tuyến hiện hữu xây dựng mới các tuyến trung thế mới từ trạm biến áp 110kV Duyên Trà theo dạng lưới kín vận hành hở. Sử dụng cáp ngầm cách điện XLPE 24kV cung cấp điện trung thế 22kV cho khu quy hoạch.

7.6. Về hệ thống thông tin liên lạc:

+ Chỉ tiêu:

- Dân cư: 1-2 thuê bao/ hộ.
- Công trình công cộng...: 10% sinh hoạt.

+ Dự báo nhu cầu: 2.183 thuê bao.

+ Nguồn cấp: Hệ thống thông tin liên lạc cho khu quy hoạch là hệ thống nổi lâu dài được ngầm hóa và được cấp từ bưu điện thị trấn Long Thành.

Xây dựng mới 02 bưu điện cấp III tại khu trung tâm hành chính của thị trấn và trung tâm xã nhằm thuận tiện cho nhu cầu giao dịch của người dân đại phương và nâng cao chất lượng dịch vụ thông tin liên lạc.

Hệ thống cáp trong khu vực được đi nổi hoặc ngầm trong các tuyến cống bể xây dựng mới. Cáp trong nội bộ khu nhà ở chủ yếu sử dụng loại cáp đi trong cống bể (ngầm) có tiết diện lõi dây 0,5mm².

8. Đánh giá môi trường chiến lược:

** Hệ thống các tiêu chí bảo vệ môi trường:*

- Bảo vệ chất lượng nước mặt trên địa bàn khu quy hoạch và khu vực xung quanh.

- Bảo vệ môi trường không khí, cụ thể: Hàm lượng các chất độc hại trong không khí ở khu hành chính - công cộng đạt QCVN 05: 2013/BTNMT.

- Giảm thiểu ô nhiễm do chất thải rắn, cụ thể: Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn là 100% và vận chuyển về khu liên hợp xử lý chất thải rắn tại xã Long Hữu, thị xã Duyên Hải.

- Giảm thiểu ô nhiễm do nước thải sinh hoạt phát sinh, cụ thể: Tỷ lệ thu gom và xử lý nước thải là 100%. Nước thải sau khi thu gom được dẫn về bể xử lý nước thải cục bộ.

- Đảm bảo diện tích đất cây xanh và đáp ứng tiện nghi môi trường.

- Tỷ lệ dân số được cấp nước sạch là 100% ở những nơi có điều kiện.

** Các giải pháp giảm thiểu, khắc phục tác động đối với dân cư, cảnh quan thiên nhiên; không khí, tiếng ồn khi triển khai thực hiện quy hoạch đô thị:*

- Các giải pháp quy hoạch xây dựng nhằm giảm thiểu và khắc phục các tác động và diễn biến môi trường đã được nhận diện: Quy hoạch hợp lý các hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hoạch định cao độ nền thích hợp phòng chống ngập lụt, thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Các giải pháp kỹ thuật để kiểm soát ô nhiễm, phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai hay ứng phó sự cố môi trường, kiểm soát các tác động môi trường: Giảm thiểu ô nhiễm không khí, ô nhiễm từ chất thải rắn, kiểm soát ô nhiễm nước thải. Xây dựng kế hoạch quản lý và giám sát chất lượng môi trường, cụ thể 2 lần trong năm.

9. Danh mục các dự án ưu tiên theo phân kỳ kế hoạch:

Danh mục được đầu tư được thực hiện theo đề án xây dựng nông thôn mới của xã Long Khánh.

10. Quy định quản lý theo quy hoạch:

Ủy ban nhân dân xã Long Khánh có trách nhiệm lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu trung tâm xã và trình cấp có thẩm quyền về quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch, làm cơ sở cho việc công khai và quản lý đầu tư xây dựng trên địa bàn xã trong kỳ quy hoạch.

11. Tiến độ giải pháp tổ chức thực hiện đồ án quy hoạch xây dựng:

- Ủy ban nhân dân xã Long Khánh tập trung phát huy nội lực của cộng đồng địa phương để xây dựng mô hình nông thôn mới, theo phương châm nhà nước hỗ trợ một phần để phát huy sự đóng góp của cộng đồng, phát huy tinh thần tự quản nhằm duy trì chất lượng lâu dài và ổn định cho các công trình được đầu tư theo quy hoạch.

- Quy hoạch tạo hành lang pháp lý và định hướng cho việc đầu tư thực hiện các mô hình sản xuất, mô hình dân cư. Tuy nhiên, việc đầu tư phải do chính người dân tự đề xuất và thiết kế trên cơ sở bàn bạc dân chủ, công khai và Quyết định thông qua cộng đồng.

Điều 2. Trên cơ sở nội dung Đồ án quy hoạch được duyệt, UBND xã Long Khánh phối hợp với các phòng, ban ngành liên quan công bố rộng rãi để các tổ chức, cá nhân trong khu vực biết, kiểm tra và thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng Huyện ủy và Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện, Trưởng Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện, Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Long Khánh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Sở Xây dựng tỉnh;
- Sở NN&PTNT tỉnh;
- TT.HU, TT.HĐND huyện;
- CT, các PCT.UBND huyện;
- Như điều 3;
- LĐVP, NCNN, NCKT;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trương Văn Huy